

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 284/2026/DS-PT

Ngày 20 - 5 - 2026

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Minh.

Các thẩm phán: 1. Ông Trần Minh Quang;

2. Ông Lý Thơ Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Chi – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 96/2026/DS – PT ngày 19/3/2026 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2025/DS-ST ngày 09/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 bị kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 242/2026/QĐ-PT ngày 29 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Như Q**; địa chỉ: **A L, phường T, tỉnh Đắk Lắk** (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Ông **Bùi Trọng T**; địa chỉ: **Khu phố D, phường Đ, tỉnh Đắk Lắk** (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Quốc P; địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)
- Bị đơn: Bà Nguyễn Anh T1; địa chỉ: A T, phường B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ái L; địa chỉ: Tổ dân phố F Đ, phường N, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

Địa chỉ liên hệ: 257A 14 N, khu dân cư C hills, phường G, thành phố Hồ Chí Minh.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Nguyễn Thị Ly S; địa chỉ: B T, phường T, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tuấn N; địa chỉ: I L, phường T, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị V; địa chỉ: Thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt);

+ Ông Trần Văn T2; địa chỉ: A T, phường B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Văn N1; địa chỉ: Khu G, Y, H, tỉnh Phú Thọ và bà Nguyễn Thị Anh Đ; địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Lâm Đồng (ông N1 vắng mặt, bà Đ có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Anh T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Thị Như Q và người đại diện theo ủy quyền ông Bùi Trọng T trình bày:

Ngày 23/10/2023, bà Q có đưa cho bà S là D ruột số tiền 650.000.000 đồng để cho bà T1 mượn. Mục đích là để kinh doanh. Bà Nguyễn Anh T1 đã trực tiếp viết Giấy mượn tiền và ký xác nhận nợ và có cam kết nếu không hoàn trả số tiền trên thì bà Trần Thị Như Q có quyền tịch thu tài sản của bà T1 tương đương với số tiền đã mượn nói trên. Nếu có gì sai trái bà T1 xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật. Theo thỏa thuận miệng thì thời hạn trả là 01 tháng, nhưng sau đó bà T1 không trả. Bà Q có liên hệ đòi nợ và nhờ bà S trực tiếp đòi nợ vợ chồng bà T1, ông T2. Nên vào ngày 07/02/2024, ông T2 là chồng bà T1 có chuyển khoản cho bà Nguyễn Thị Ly S trả số tiền 10.000.000 đồng và đưa lại cho bà Q 10.000.000 đồng nói là số tiền ông T2 trả. Nay bà Nguyễn Anh T1 còn nợ 640.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi từ ngày thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử vụ án với mức lãi suất là 10%/năm.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Giữa bà T1 và bà Q không hề có sự thỏa thuận vay mượn tiền như đại diện nguyên đơn trình bày. Bà T1 không biết bà Q là ai, chưa từng gặp mặt. Giấy mượn tiền ngày 23/10/2023, bà T1 viết mượn tiền của bà Trần Thị Như Q do bà Nguyễn Thị V nhờ vả, hướng dẫn. Vì giữa bà V và bà T1 có mối quan hệ thân thiết là chị em lâu năm nên thường xuyên giúp đỡ nhau về mặt tài chính và tinh thần. Khoảng cuối năm 2023, bà V chia sẻ muốn vào TP. sinh sống nhưng vẫn còn nợ tiền của bà Q nên không thể đi được. Cùng thời điểm đó, bà T1 đang vay một số tiền nhỏ của bà V, nên bà V nhờ bà T1 viết giấy mượn tiền cho bà Q, để bà V có thể di cư mà không bị bà Q cản trở. Rất nhiều lần bà T1 từ chối viết giấy mượn tiền này vì lý do bà T1 không vay mượn tiền của bà Q và chồng của bà T1 cũng không đồng ý yêu cầu bà V đưa ra. Sau đó, dưới sự năn nỉ bà V, bà T1 cảm thấy đồng cảm và một phần trách nhiệm đang mượn tiền bà V, nên bà T1 mới viết giấy mượn tiền bà Q, theo sự hướng dẫn của bà V. Trước đây, người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Anh T1 là ông Vũ Văn N1, bà Nguyễn Thị Anh Đ trình bày. Đề nghị Tòa án trả lại đơn khởi kiện của bà Q vì chưa đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật tại điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Nay người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Ái L trình bày không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ly S trình bày:

Bà S và Trần Thị Như Q là họ hàng, Q gọi bà S là dì. Trong làm ăn kinh doanh bà S có quen biết với bà Nguyễn Thị V. Năm 2023, bà V có giới thiệu vợ chồng người bạn là bà Nguyễn Anh T1 và ông Trần Văn T2 cần mượn tiền để kinh doanh. Nên ngày 23/10/2023, tại nhà của vợ chồng bà T1, ông T2 trên đường H. Bà S có đưa cho vợ chồng bà T1 mượn số tiền là 650.000.000 đồng. Bà S nói số tiền này là của cháu gái bà là Trần Thị Như Q cho mượn vì bà S không có sẵn số tiền lớn tại thời điểm lúc đó. Tại thời điểm mượn tiền, bà S cũng có nói rõ vấn đề này với vợ chồng T1, T2 và bà T1 đã đồng ý viết Giấy mượn tiền của Trần Thị Như Q. Nay bà T1 thông qua người đại diện theo ủy quyền cho rằng bà T1 không mượn tiền là không đúng, cố tình né tránh việc trả nợ. Mặt khác, nếu không có việc mượn tiền thì tại sao chồng bà T1 là ông T2 vào ngày 07/02/2024 có chuyển vào tài khoản của bà S số tiền 10.000.000 đồng để trả nợ. Sau đó, bà S đưa lại cho bà Q 10.000.000 đồng. Bà T1 phải trả cho cháu tôi Trần Thị Như Q số tiền là

640.000.000 tiền gốc theo Giấy mượn tiền ngày 23/10/2023 theo đúng quy định của pháp luật.

Tại đơn trình bày ý kiến và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V trình bày:

Bà V với bị đơn bà Nguyễn Anh T1 chỉ có quan hệ đối tác với khách hàng. Bà V là nhân viên Ngân hàng từng làm hồ sơ các khoản vay của vợ chồng T1, T2 tại Ngân hàng. Thời điểm năm 2023, vợ chồng bà T1 cần tiền để kinh doanh và bà V có giới thiệu cho vợ chồng bà T1 gặp bà Nguyễn Thị Ly S để mượn tiền. Sự việc ngày 23/10/2023, bà V có dẫn bà S đến công ty vợ chồng bà T1 trên đường H, thành phố T để làm việc về khoản tiền 650.000.000đồng. Bà V chứng kiến bà S có nói rõ số tiền cho bà T1 mượn là tiền của cháu gái bà S là chị Q. Do đó bà T1 có viết giấy mượn tiền và xác nhận nợ của chị Q số tiền 650.000.000đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng). Nội dung trình bày của đại diện bị đơn là không đúng sự thật. Bà V khẳng định giữa bà V với bà T1 không có quan hệ thân thiết đến mức bà T1 phải viết giấy nhận nợ dùm bà V và giữa bà V, bà Q, bà S cũng không có nợ nần gì. Bà Nguyễn Anh T1 viết giấy mượn tiền và ký xác nhận nợ lúc đó bà V có chứng kiến và làm chứng việc này. Giao dịch mượn tiền của bà T1 với bà Q là có thật. Bà cũng không liên quan gì và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án và cho phép bà vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Bà V cam đoan và chịu trách nhiệm pháp luật về những lời trình bày trên đây là đúng sự thật.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T2 trình bày:

Tại Biên bản hòa giải trước đây, người đại diện theo ủy quyền của ông ông Trần Văn T2 là bà Nguyễn Thị Ái L trình bày: Đại diện của nguyên đơn có trình bày ông T2 đã chuyển khoản trả số tiền 10.000.000 đồng cho bà S, không biết việc chuyển khoản giữa ông T2 và bà S liên quan gì đến ông T2. Nay, người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn T2 ông Vũ Văn N1 trình bày: bà Nguyễn Anh T1 dùng điện thoại của ông T2 để chuyển khoản trả cho bà Nguyễn Thị Ly S 10.000.000 đồng. Sử dụng vào mục đích gì là không rõ.

Tại bản án sơ thẩm số 43/2025/DS-ST ngày 09/9/2025 của Tòa án nhân khu vực 11 – Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Trần Thị Như Q.**

Buộc bị đơn bà **Nguyễn Anh T1** phải trả cho nguyên đơn bà **Trần Thị Như Q** số tiền gốc và lãi là 719.822.000 đồng (Bảy trăm mười chín triệu tám trăm hai mươi hai ngàn đồng). Trong đó gốc 640.000.000 đồng và lãi 79.822.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/9/2025 bị đơn bà **Nguyễn Anh T1** có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án, xét thấy không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà **Nguyễn Anh T1**. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Anh T1 làm đúng hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Anh T1, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[2.1] Tại giấy mượn tiền đề ngày 23/10/2023 có nội dung: bà Nguyễn Anh T1 có mượn của bà Trần Thị Như Q số tiền 650.000.000 đồng để kinh doanh. Giấy mượn tiền nêu trên do bà T1 trực tiếp viết, ký tên và cam kết chịu trách nhiệm đối với khoản nợ. Ngoài ra, nội dung giấy mượn tiền còn thể hiện: “*Nếu không hoàn trả số tiền trên bà Trần Thị Như Q có quyền tịch thu tài sản của tôi tương đương với số tiền đã mượn nói trên. Nếu có gì sai trái tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật*” (bút lục 694). Bên cạnh đó, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn không tranh chấp về chữ viết, chữ ký trong giấy mượn tiền mà chỉ cho rằng việc viết giấy mượn tiền là do bà Nguyễn Thị V nhờ viết giúp, thực tế không nhận tiền từ bà Q. Tuy nhiên, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày này. Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đương sự phản đối yêu cầu của bên kia phải có nghĩa vụ chứng minh. Trong vụ án này, bị đơn không đưa ra được các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho việc bà T1 viết giấy vay tiền chỉ để “giúp” bà V hoặc có việc giả tạo trong giao dịch vay tài sản theo giấy mượn tiền ngày 23/10/2023.

[2.2] Xét Vi bằng số 52/2024/VB-TPL ngày 26/12/2024 mà bị đơn cung cấp, HĐXX thấy rằng: Nội dung tin nhắn thể hiện trong vi bằng phản ánh việc trao đổi tiền bạc giữa bà V và bà T1 trong khoảng thời gian từ năm 2021 đến tháng 5/2023; trong khi giấy mượn tiền giữa bà T1 và bà Q được lập ngày 23/10/2023. Như vậy, về mặt thời gian không có sự trùng khớp. Mặt khác, nội dung tin nhắn không thể hiện việc bà V ép buộc, chỉ đạo hoặc hướng dẫn bà T1 viết giấy nhận nợ cho bà Q; cũng không xác định cụ thể “*người ta*” được nhắc đến trong tin nhắn là ai. Do đó, không đủ căn cứ để xác định giấy mượn tiền ngày 23/10/2023 là giao dịch giả tạo như bị đơn trình bày. Trong khi đó, quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị V thừa nhận: “*Năm 2023, vợ chồng bà T1 cần tiền để kinh doanh nên có giới thiệu cho bà T1 gặp bà Nguyễn Thị Ly S để mượn tiền và bà có chứng kiến bà S nói rõ số tiền cho bà T1 mượn là tiền của cháu gái bà S là chị Q, do đó bà T1 có viết Giấy mượn tiền và xác nhận nợ của chị Q số tiền 650.000.000 đồng. Giữa bà T1 và bà V không có quan hệ thân thiết đến mức bà T1 phải viết Giấy nhận nợ dùm tôi*”

và giữa bà V, bà Q, bà S không có nợ nần gì. Giao dịch mượn tiền giữa chị Q và bà T1 là có thật, số tiền này do bà S trực tiếp đưa cho bà T1 mượn. Cam đoan lời khai và chịu trách nhiệm về lời khai của mình” (bút lục 39). Như vậy, lời khai của bà V phù hợp với lời khai của bà Q, bà S về thời gian giao dịch, về số tiền mượn, nói rõ số tiền mượn này là của bà Q chứ không phải của bà S và phù hợp với nội dung của “Giấy mượn tiền” đề ngày 23/10/2023 do bà T1 viết và ký nhận.

[2.3] Bên cạnh đó, sau khi phát sinh khoản vay ngày 23/10/2023 thì ngày 07/02/2024, từ tài khoản mang tên ông Trần Văn T2 (chồng bà T1) có chuyển số tiền 10.000.000 đồng vào tài khoản của bà Nguyễn Thị Ly S. Phía bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T2 không giải thích được hợp lý căn cứ của việc chuyển tiền này. Tại các giai đoạn tố tụng, phía bị đơn lúc cho rằng không biết việc chuyển tiền nhằm mục đích gì, lúc lại trình bày bà T1 dùng điện thoại ông T2 để chuyển tiền. Trong khi đó, bà S trình bày đây là khoản tiền phía bà T1 trả nợ cho khoản vay của bà Q và sau đó bà S đã giao lại cho bà Q.

[2.4] Đối với khoản tiền lãi: Xét thấy tại giấy mượn tiền đề ngày 23/10/2023 không thể hiện thời hạn vay và không có thỏa thuận về lãi suất nên cấp sơ thẩm xác định đây là hợp đồng vay không kỳ hạn, không có lãi là phù hợp với khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015. Việc cấp sơ thẩm căn cứ theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để xác định thời điểm bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ sau thời gian hợp lý là 03 tháng tính từ ngày bị đơn biết việc Tòa án thụ lý vụ án để tính lãi là đúng quy định pháp luật.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng bản chất vụ việc, áp dụng đúng các quy định của pháp luật khi chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, nội dung kháng cáo của bị đơn không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên bị đơn bà Nguyễn Anh T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà **Nguyễn Anh T1**. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2025/DS-ST ngày 09/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11– Đắk Lắk.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Trần Thị Như Q.**

Buộc bị đơn bà **Nguyễn Anh T1** phải trả cho nguyên đơn bà **Trần Thị Như Q** số tiền gốc và lãi là 719.822.000 đồng (Bảy trăm mười chín triệu tám trăm hai mươi hai ngàn đồng). Trong đó gốc 640.000.000đồng và lãi 79.822.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà **Nguyễn Anh T1** phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ 300.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0001875 ngày 08/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận: TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- TANDCC; THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;

- TAND khu vực 11;

- Phòng THADS khu vực 11;

- Các đương sự;

- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Lê Ngọc Minh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN
TÒA**

Lý Thơ Hiền

Trần Minh Quang

Lê Ngọc Minh

